HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 299/*2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về Biên phòng, Biên giới Quốc gia;*

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày … tháng … năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XIX, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UB MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số…../2026/NQ-HĐND ngày…../…./2026 của HĐND tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan khác ở tỉnh (sau đây gọi tắt là Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh); các xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

Chương II

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ở mức cao nhất cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; ưu tiên phân bổ cho các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới hiện đại góp phần hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đề ra của tỉnh.

2. Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

3. Phân bổ ngân sách trung ương cho sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh thực hiện Chương trình hằng năm phải căn cứ trên cơ sở nguồn ngân sách trung ương được giao và kết quả đánh giá tình hình thực hiện sử dụng, giải ngân nguồn vốn được cấp giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho thôn, xã (theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các thôn, xã theo khoản này được xác định căn cứ số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới và các xã còn lại) trên địa bàn toàn tỉnh. Mức phân bổ vốn của từng thôn, xã theo tiêu chí này được xác định bằng:

$$\text{Hệ số phân bổ quy định tại khoản này} \times \frac{\text{Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh}}{\text{Tổng hệ số của tỉnh}}$$

Cụ thể như sau:

a) Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Hệ số 01;

b) Xã khu vực III vùng đồng bào DTTS&MN, xã biên giới (bao gồm biên giới đất liền và biên giới biển): Hệ số 50;

c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40;

d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30;

đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh

a) Vốn ngân sách trung ương bố trí cho sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

- Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật;

- Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho địa phương, nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của sở, đơn vị cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 hoặc các năm trước liền kề.

b) Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại điểm a) khoản này và khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách trung ương được giao, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất phương án phân bổ cụ thể, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 5. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Đối với vốn đầu tư công

a) Phân bổ tối đa 10% tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ do sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ có tính chất liên vùng, liên xã theo quy định của Chương trình, trong đó tập trung vào các nội dung như: phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; công trình cấp nước sạch tập trung liên xã; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên vùng; công trình thủy lợi phục vụ nhiều địa phương nhằm phát triển kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ hiện đại; nhiệm vụ đặc thù và các nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao; đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

b) Phân bổ tối đa 10% trong tổng tối thiểu 90% vốn đầu tư công ngân sách trung ương còn lại sau khi đã phân bổ tại điểm a) khoản này, để hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 với định mức hỗ trợ:

- Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1;

- Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: hệ số 0.5;

- Nếu trong cùng một năm xã vừa đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại thì hệ số 1.5.

c) Vốn đầu tư công ngân sách trung ương giao cho tỉnh còn lại sau khi đã phân bổ tại điểm a), b) khoản này cho các xã (theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ) theo định mức sau:

$$\textbf{Vốn đầu tư công phân bổ cho xã} = \frac{\textbf{Tổng hệ số của xã} \times \textbf{Phần vốn đầu tư công ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh còn lại}}{\textbf{Tổng hệ số của tỉnh}}$$

Trong đó:

- Tổng hệ số của xã = (Số Thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có) × hệ số 1) + hệ số khu vực của xã;

- Tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh: là tổng Vốn đầu tư công ngân sách trung ương được giao cho tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 và hàng năm.

- Phần vốn đầu tư công ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh còn lại = 90% tổng vốn đầu tư công ngân sách trung ương - tổng vốn đầu tư công hỗ trợ xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới/ nông thôn mới hiện đại trong năm phân bổ ngân sách.

2. Đối với kinh phí thường xuyên

a) Phân bổ 25% tổng kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh giai đoạn 2026-2030 và hằng năm để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ do sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình.

b) Phân bổ 10% trong tổng 75% kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương còn lại sau khi đã phân bổ tại điểm a) khoản này để hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 với định mức hỗ trợ:

- Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1;

- Xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại: hệ số 0.5;

- Nếu trong cùng một năm xã vừa đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại thì hệ số 1.5.

c) Phân bổ kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương còn lại sau khi đã phân bổ tại điểm a), b) khoản này cho các xã (theo Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ) theo công thức:

$$\textbf{Kinh phí thường xuyên phân bổ cho xã} = \frac{\textbf{Tổng hệ số của xã} \times \textbf{Phần kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh còn lại}}{\textbf{Tổng hệ số của tỉnh}}$$

Trong đó:

- Phần kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh còn lại = 75% tổng kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương - tổng kinh phí thường xuyên hỗ trợ xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới hiện đại trong năm phân bổ ngân sách.

- Tổng hệ số của xã = (Số thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (nếu có) × hệ số 1) + hệ số khu vực của xã;

- Tổng kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh: là tổng kinh phí thường xuyên ngân sách trung ương được giao cho tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

Chương III

TỶ LỆ ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng

Thực hiện theo Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương

Thực hiện theo Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả và theo quy định của pháp luật./.